

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 32/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30/12 /2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình;

2. Ông Phan Đình Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/11/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hồ Phước N, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 15, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Văn Huyền M, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ 02, phường AB, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Hồ Phước N trình bày: Anh N và chị Văn Huyền M tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thị xã A, Gia Lai vào ngày 23/02/2017. Vợ chồng anh chung sống cùng với gia đình anh ở Tổ 15, phường A, năm 2018 chị M tự ý dẫn con về nhà cha mẹ đẻ của chị M sống. Khoảng tháng 6 năm 2018 anh đến nhà chị M dẫn con về sống cùng với anh cho đến nay. Anh và chị M đã không liên lạc với nhau từ năm 2018, hiện nay tình cảm vợ chồng đã không còn, do vậy anh N yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với chị Văn Huyền M.

Về con chung: Anh và chị M có 01 con chung là Hồ Nguyên K, sinh ngày 17/6/2017. Cháu K sống cùng với anh từ năm 2018 đến nay vẫn phát triển tốt, anh làm thợ xây, thu nhập hằng tháng khoảng 7.000.000đ, anh đang sống cùng với gia đình nên cha mẹ anh có thể phụ giúp trông nom cháu K trong thời gian anh đi làm. Do vậy anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu K và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn, Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc Tòa án đang thụ lý vụ án yêu cầu cầu ly hôn của anh N, yêu cầu chị Văn Huyền M đến Tòa án nhân dân thị xã A để giải quyết; thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng chị M đã không đến Tòa nên không thể trình bày quan điểm của mình về nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ có mặt tại Tòa theo các triệu tập, thông báo của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Phước N. Chấp nhận cho anh Hồ Phước N ly hôn với chị Văn Huyền M. Giao cho anh N trực tiếp nuôi con chung là cháu Hồ Nguyên K cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi và tự lập được. Anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Hồ Phước N yêu cầu ly hôn, có tranh chấp về nuôi con với chị Văn Huyền M; địa chỉ: Tổ 02, phường AB, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn chị Văn Huyền M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Văn Huyền M.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hồ Phước N và chị Văn Huyền M tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Theo kết quả xác minh cha đẻ của anh N; Tổ phó Tổ 2, phường AB; Tổ trưởng Tổ 15, phường A thì trong quá trình chung sống vợ chồng anh N và chị M có cãi nhau và chị M về nhà cha mẹ đẻ sống từ năm 2018 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh N và chị M là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hồ Phước N với chị Văn Huyền M.

[4] Về việc nuôi con: Anh N và chị M có 01 con chung là Hồ Nguyên K, sinh ngày 17/6/2017. Anh N yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu K do anh N trực tiếp nuôi dưỡng từ năm 2018 đến nay, anh N đang trong độ tuổi lao động, có sức khỏe, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh N, giao cho anh N trực tiếp nuôi con cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi và tự lập được. Anh N không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí, lệ phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn anh Hồ Phước N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; bị đơn chị Văn Huyền M không phải chịu án phí, lệ phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 180, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hồ Phước N, cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận anh Hồ Phước N ly hôn với chị Văn Huyền M.

2. Về con chung: Giao cho anh Hồ Phước N trực tiếp nuôi con là cháu Hồ Nguyên K, sinh ngày 17/6/2017, khi cháu K chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí, lệ phí:

Anh Hồ Phước N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004400 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, anh N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh N phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 2.844.000đ (*hai triệu, tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*). Anh N đã nộp đủ tiền lệ phí.

Chị Văn Huyền M không phải chịu án phí, lệ phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 30/12/2020. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND P. An Phú, Tx. A (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Thảo